TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 561/2023/DS-PT
Ngày: 20-11-2023
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2023/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 730/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Đ (C), sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*:

1. Ông Đỗ Hoàng S, sinh năm 1967 (có mặt);

2. Bà Đỗ Thị Ngọc Đ1, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Đỗ Hoàng S và bà Đỗ Thị Ngọc Đ1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày:

Ngày 21/3/2021, vợ chồng ông S và bà Đ1 có vay của bà số tiền 550.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thỏa thuận khi bà cần vốn sẽ lấy tiền lại, sau đó ông S và bà Đ1 thỏa thuận chuyển nhượng cho bà một thửa đất để cấn trừ nợ nhưng do giấy tờ đất không rõ ràng nên bà không đồng ý nhận chuyển nhượng đất. Nay bà cần vốn nên yêu cầu vợ chồng ông S, bà Đ1 trả cho bà số tiền vốn là 550.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 21/3/2021 đến ngày xét xử, lãi tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 09/3/2023 là 24 tháng là 550.000.000 đồng × 1,5%/tháng × 24 tháng là 198.000.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Đỗ Hoàng S trình bày:

Năm 2009, vợ chồng ông có mua vật liệu xây nhà của bà Đ còn nợ lại bà số tiền 76.000.000 đồng. Cũng cùng năm 2009, vợ chồng ông có vay thêm của bà Đ số tiền 50.000.000 đồng, thời gian sau ông không nhớ rõ, vợ chồng ông có cầm cho bà Đ hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số tiền 35.000.000 đồng, tổng cộng vợ chồng ông chỉ nợ bà Đ số tiền 161.000.000 đồng. Đến ngày 21/3/2021, vợ chồng ông ghi biên nhận nợ bà Đ số tiền 550.000.000 đồng là do bà Đ hứa sẽ nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng ông nên vợ chồng ông mới ghi biên nhận nợ tiền vay 550.000.000 đồng của bà Đ. Nay bà Đ không đồng ý nhận chuyển nhượng đất nữa nên vợ chồng ông không đồng ý trả số tiền trên cho bà Đ. Vợ chồng ông có ký biên nhận ngày 21/3/2021, nội dung có ghi là vợ chồng ông vay bà Đ số tiền 550.000.000 đồng nhưng vợ chồng ông không có nhận tiền từ bà Đ, chỉ còn nợ bà Đ số tiền 161.000.000 đồng. Nay vợ chồng ông chỉ đồng ý trả số tiền 161.000.000 đồng, xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn bà Đỗ Thị Ngọc Đ1 trình bày:

Bà thống nhất trình bày của ông S, không trình bày gì khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2023/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ.

Buộc ông Đỗ Hoàng S, bà Đỗ Thị Ngọc Đ1 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Đ số tiền vay vốn còn nợ là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 198.000.000 đồng (một trăm chín mươi tám triệu đồng).

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 30/6/2023 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 24/7/2023, bị đơn ông Đỗ Hoàng S và bà Đỗ Thị Ngọc Đ1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ yêu cầu ông bà trả số tiền vốn gốc 550.000.000 đồng và lãi là 198.000.000 đồng; ông bà chỉ đồng ý trả bà Lê Thị Đ số tiền còn nợ là 161.000.000 đồng, đồng thời xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bị đơn Đỗ Thị Ngọc Đ1 vắng mặt, bị đơn Đỗ Hoàng S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: tại phiên tòa phúc thẩm, ông S đồng ý trả cho bà Lê Thị Đ số tiền vay 550.000.000 đồng và tiền lãi nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, bà Đ không đồng ý yêu cầu xin trả dần nợ của ông S; đồng thời bà Đ tự nguyện trừ vào số tiền lãi của 02 tháng lãi bà Đ đã nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S, ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ, sửa án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định và đúng thẩm quyền giải quyết.

Đơn kháng cáo của Đỗ Hoàng S, Đỗ Thị Ngọc Đ1 nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại các các điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Đỗ Thị Ngọc Đ1 đến tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng bà Đ1 đều vắng mặt và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Ngọc Đ1.

[2] Về nội dung xét kháng cáo:

[2.1] Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn Đỗ Thị Ngọc Đ1: Bà Ngọc Đ1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì bị coi như từ bỏ kháng cáo; căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Ngọc Đ1.

[2.2] Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn Đỗ Hoàng S: Theo đơn kháng cáo ngày 24/7/2023 (bút lục 66) bị đơn trình bày: Ngày 21/3/2021 bà Đ ghi giấy số tiền vay 550.000.000 đồng yêu cầu vợ chồng ông bà ký để bà Đ cọc mua đất trừ nợ; vợ chồng ông bà không nhận số tiền 550.000.000 đồng và chỉ nợ bà Đ số tiền 161.000.000 đồng. Bị đơn chỉ đồng ý trả cho bà Đ số tiền 161.000.000 đồng, bằng hình thức trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện của bà Đ là tờ "Biên nhận" ngày 21/3/2021 (bút lục 17); về hình thức có chữ ký tên ghi họ tên Đỗ Thị Ngọc Đ1 và Đỗ Hoàng S, được bà Ngọc Đ1 và ông S thừa nhận chữ ký tên-ghi họ tên là do cá nhân ông bà tự nguyện thực hiện; về nội dung biên nhận thể hiện: "*Tôi tên Đỗ Hoàng S sinh 1967 ... có nợ (vay) bà Lê Thị Đ số tiền 550.000.000đ lãi 1,5%/tháng (năm trăm năm mươi triệu chẵn). Tôi có miếng đất bán cho bà Đ giá tiền 1.500.000đ 1m^2 (một triệu năm trăm ngàn) đo bao nhiêu tính giá 1.500.000 được bao nhiêu trừ vào 550.000.000đ. Còn bao nhiêu nếu dư bà Đ hoàng lại*"

Xét thấy, ông S thừa nhận có vay của bà Đ số tiền 550.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất vay là 1,5%/tháng. Bị đơn vắng mặt phiên tòa sơ thẩm, nhưng tại biên bản hòa giải ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã G (bút lục 24) ông S và bà Ngọc Đ1 khai là không nhận số tiền trên và chỉ nợ 161.000.000 đồng. Lời khai này không được bà Đ1 thừa nhận và ông S – bà Ngọc Đ1 không có chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình nên cấp sơ thẩm xác định ông S và bà Ngọc Đ1 có nợ bà Đ1 550.000.000 đồng tiền vay là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S đồng ý trả số tiền vay 550.000.000 đồng và tiền lãi nhưng yêu cầu trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được nguyên đơn đồng ý với yêu cầu xin trả nợ dần hàng tháng của ông S. Như vậy, ông S thống nhất số nợ vay và lãi vay phải trả nhưng tranh chấp về thời gian trả nợ với với bà Đ. Xét, từ ngày 21/3/2021 sau khi thực hiện biên nhận nợ thì ông S và bà Ngọc Đ1 không thực hiện trả lãi theo thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ

luật Dân sự nên cần buộc ông S thực hiện trả nợ vay cho nguyên đơn khi án có hiệu lực, không chấp nhận yêu cầu trả nợ dần hàng tháng của ông S.

Mặt khác, nguyên đơn Lê Thị Đ thừa nhận ngày giao số tiền vay cho bị đơn là ngày 21/01/2021 nhưng đến ngày 21/3/2021 thì viết biên nhận nợ và bà Đ có nhận 02 tháng tiền lãi là 16.500.000 đồng (550.000.000 đồng × 1,5%/tháng × 02 tháng). Bà Đ đồng ý cấn trừ số tiền lãi 16.500.000 đồng vào số tiền lãi mà bị đơn phải trả. Xét yêu cầu này của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy, số tiền ông S và bà Ngọc Đ1 phải trả cho bà Đ gồm 550.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi là 181.500.000 đồng (198.000.000 đồng – 16.500.000 đồng). Từ đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên ông S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; sung quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí bà Ngọc Đ1 đã nộp là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 312, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn Đỗ Thị Ngọc Đ1.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Đỗ Hoàng S.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2023/DS-ST ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ.

Buộc ông Đỗ Hoàng S và bà Đỗ Thị Ngọc Đ1 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Đ số tiền vốn vay còn nợ là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 181.500.000 đồng (một trăm tám mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng).

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 30/6/2023 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang để đảm bảo thi hành án.

2/ Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Ông Đỗ Hoàng S, bà Đỗ Thị Ngọc Đ1 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 16.630.000 đồng (mười sáu triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

Về án phí phúc thẩm: Ông Đỗ Hoàng S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; sung quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng bà Ngọc Đ1, ông S đã nộp theo biên lai thu tạm số 0027508 ngày 24/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã G;
- CCTHADS thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Nguyệt